

Đơn vị: Văn phòng Sở Công Thương

Mã số: 1076385

Mã KBNN nơi giao dịch: 2911

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SCT ngày /12/2024 của Sở Công Thương tỉnh Gia Lai)

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng dự toán năm 2025	Tổng kinh phí phân bổ năm 2025 sau khi trừ nguồn CCTL để lại tại đơn vị và tiết kiệm 10%	Sử dụng nguồn CCTL để lại tại đơn vị	Tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL
A	THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ				
I	Số thu phí, lệ phí	139			
1	Lệ phí				
2	Phí	139			
-	Phí cấp Giấy phép hoạt động điện lực	2			
-	Phí hoạt động Thương mại	52			
-	Phí cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ	8			
-	Phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, xác nhận KT	10			
-	Phí thẩm định TKCS (xăng dầu, điện)	57			
-	Phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất rượu, thuốc lá	10			
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	102			
1	Chi quản lý hành chính	102			
-	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	102			
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	37			
1	Lệ phí				
2	Phí	37			
-	Phí cấp Giấy phép hoạt động điện lực	0,2			
-	Phí hoạt động Thương mại	26			
-	Phí cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ	1			
-	Phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, xác nhận KT	3			
-	Phí thẩm định TKCS (xăng dầu, điện)	5,7			
-	Phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất rượu, thuốc lá	1			

STT	Nội dung	Tổng dự toán năm 2025	Tổng kinh phí phân bổ năm 2025 sau khi trừ nguồn CCTL để lại tại đơn vị và tiết kiệm 10%	Sử dụng nguồn CCTL để lại tại đơn vị	Tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	14.103	13.438		665
I	CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	9.795	9.562		233
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	8.179	8.064		115
-	Lương, các khoản phụ cấp theo lương, các khoản đóng góp	6.586	6.586		
-	Chi thường xuyên khác	1.153	1.040		113
-	Kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ	420	420		
-	Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	20	18		2
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.616	1.498		118
-	Quỹ tiền thưởng	392	392		
-	Trang phục thanh tra	38	38		
-	Rà soát đánh giá hệ thống thông tin theo quy định (Tối thiểu 1 lần/2 năm cho hệ thống cấp độ 1,2) theo Kế hoạch Chuyển đổi số của tỉnh Gia Lai năm 2025	52	46		6
-	Xây dựng lịch sử ngành Công Thương	703	632		71
-	Kinh phí chỉnh lý tài liệu	406	365		41
-	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2025 (Nội dung 01 - NDTP số 11. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng - NSTW)	25	25		
II	SỰ NGHIỆP KINH TẾ	4.308	3.876		432
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.308	3.876		432
-	Kinh phí đảm bảo công tác phạt vi phạm hành chính	30	27		3
-	Kinh phí Thương mại điện tử	1.512	1.361		151

STT	Nội dung	Tổng dự toán năm 2025	Tổng kinh phí phân bổ năm 2025 sau khi trừ nguồn CCTL để lại tại đơn vị và tiết kiệm 10%	Sử dụng nguồn CCTL để lại tại đơn vị	Tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL
-	Kinh phí đối ứng Thương mại điện tử Quốc gia	383	345		38
-	Kinh phí tuyên truyền quảng bá ngành Công Thương	99	89		10
-	Kinh phí tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Quyền lợi của người tiêu dùng Việt Nam năm 2025	186	167		19
-	Kinh phí thực hiện Kế hoạch thực hiện Đề án đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai	167	150		17
-	Kinh phí thực hiện Đề án nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.	40	36		4
-	Kinh phí triển khai Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025	40	36		4
-	Kinh phí Thực hiện Kế hoạch thực hiện Đề án Phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" giai đoạn 2021-2025	85	76		9
-	Kế hoạch thực hiện chiến lược "Phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045" trên địa bàn tỉnh năm 2024	85	77		8
-	Kế hoạch phát triển hạ tầng thương mại biên giới đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030	17	15		2
-	Kế hoạch thực hiện đề án "Đẩy mạnh ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong hoạt động XTTM giai đoạn 2021-2030	200	180		20
-	Kinh phí kiểm tra các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trên địa bàn tỉnh	50	45		5
-	Kinh phí phục vụ công tác phòng chống thiên tai và an toàn hồ đập lĩnh vực ngành Công Thương	72	65		7
-	Kế hoạch Xuất nhập khẩu hàng hóa tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025	249	224		25

STT	Nội dung	Tổng dự toán năm 2025	Tổng kinh phí phân bổ năm 2025 sau khi trừ nguồn CCTL để lại tại đơn vị và tiết kiệm 10%	Sử dụng nguồn CCTL để lại tại đơn vị	Tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL
-	Kế hoạch phát triển dịch vụ Logistics trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2024-2025, định hướng đến năm 2030.	85	76		9
-	Tuyên truyền chính sách hoạt động phát triển công nghiệp, khuyến công	40	36		4
-	Kinh phí thực hiện phương án phát triển cụm công nghiệp được tích hợp vào quy hoạch tỉnh theo Quyết định 1750/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ	200	180		20
-	Kinh phí phục vụ công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất độc trong lĩnh vực ngành Công Thương	10	9		1
-	Phương án thực hiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII (Tính toán phương án đầu nối các dự án nguồn điện đã được phân bổ).	483	435		48
-	Phương án phát triển trạm sạc xe điện nằm trong Quy hoạch tỉnh	210	189		21
-	Tổ chức Hội nghị cho các Trung tâm thương mại, siêu thị, chợ nhằm tuyên truyền và vận động các đơn vị bán lẻ, phân phối hạn chế bao bì nhựa chuyển đổi sử dụng bao bì nhựa, ống hút nhựa sang sử dụng các bao bì, sản phẩm thân thiện với môi trường	40	36		4
-	Kinh phí hoạt động của Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp tỉnh Gia Lai	25	22		3